

ĐỀ ÁN

**Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang**

(Kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021) tiếp tục khẳng định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN) là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu "hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ, dân giàu, nước mạnh, văn minh". Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân (KTTN) được xác định là hai động lực quan trọng.

- Đối với KTTN, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 riêng về chủ đề làm thế nào để khu vực này trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. Theo đó, Nghị quyết đã chỉ rõ: "*Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*".

- Nhằm hiện thực hoá mục tiêu phát triển đất nước và đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới, ngày 4 tháng 5 năm 2025 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về Phát triển kinh tế tư nhân. Trong đó, xác định vai trò, tầm quan trọng của kinh tế tư nhân: "*Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh,*

*tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng”, “Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài”. Nghị quyết cũng chỉ ra nhiệm vụ: “Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hành động với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện”.*

- Tỉnh An Giang hiện nay có vị trí chiến lược ở trung tâm tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, là cửa ngõ giao thương vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời có tiềm năng lớn về nông nghiệp, du lịch, thương mại biên giới, công nghiệp chế biến và kinh tế xanh nhờ vào hệ thống hạ tầng chiến lược đã và đang được đầu tư xây dựng (Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Quy hoạch cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, sân bay Phú Quốc mở rộng...); hệ thống cửa khẩu lớn như cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, Vĩnh Xương và cửa khẩu quốc gia Khánh Bình, cửa khẩu quốc tế Hà Tiên; lợi thế “hai không gian”: Biên - Đảo và thượng nguồn sông Mekong; vùng tròng lúa, “thủ phủ cá tra” của cả nước, các địa điểm du lịch nổi tiếng như Phú Quốc, cụm Miếu Bà Chúa Xứ - Núi Sam, rừng trà Trà Sư...).

- Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa tương xứng, đạt kỳ vọng đặt ra, chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh này. Có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do sự phát triển của kinh tế tư nhân chưa mạnh mẽ. Kinh tế tư nhân tỉnh An Giang còn yếu về quy mô, theo số liệu thống kê năm 2024 tỉnh An Giang (cũ) có khoảng hơn 8.000 doanh nghiệp tư nhân, tỉnh Kiên Giang (cũ) có hơn 8.400 doanh nghiệp tư nhân, chiếm chưa tới 2% tổng số doanh nghiệp tư nhân của cả nước, phần lớn là quy mô nhỏ; Ứng dụng công nghệ chế biến và số hoá chuỗi còn hạn chế (truy xuất nguồn gốc, ERP, IoT trong nông nghiệp), ngay cả với lợi thế lúa gạo, tỉnh mới bắt đầu dự án giảm phát thải (AWD) ở ruộng lúa hướng tới kinh tế xanh - nhưng quy mô còn ở giai đoạn mở rộng...

- Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại: Tư duy, nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế còn chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; thể chế, pháp luật còn vướng mắc, bất cập; tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao. Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả và khó tiếp cận; chi phí kinh doanh còn cao.

Từ những lý do trên, việc xây dựng một đề án phát triển toàn diện, định vị

kinh tế tư nhân thành trụ cột của nền kinh tế tỉnh An Giang trong định hướng tầm nhìn và tình hình phát triển mới là rất cần thiết.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

- Hiến pháp năm 2013.
- Luật Đầu tư năm 2020 và Luật Đầu tư năm 2025.
- Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự năm 2022.
- Luật Đất đai năm 2024.
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025.
- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập và hội nhập quốc tế.
- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.
- Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: cơ chế hỗ trợ tín dụng, đào tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nghị định 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

- Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19.

- Quyết định 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Quyết định 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông cửu long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày

04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thông báo số 72/TB-VPCP ngày 09 tháng 02 năm 2026 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp lần thứ tư Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## PHẦN II

### QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH AN GIANG

#### I. QUAN ĐIỂM

Việc phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang dựa trên các quan điểm sau:

***(1) Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang theo cách tiếp cận hệ thống và đa chiều***

Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang phải được xem xét theo cách tiếp cận hệ thống, coi khu vực kinh tế tư nhân là một lực lượng có cấu trúc, không phải là tập hợp các chủ thể kinh doanh rời rạc. Trong lực lượng này, mỗi bộ phận (doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, doanh nhân, hợp tác xã kiểu mới) giữ vai trò và chức năng khác nhau, nhưng có mối liên hệ hữu cơ trong tổng thể nền kinh tế địa phương.

Cấu trúc kinh tế tư nhân cần được nhận diện đa chiều: theo pháp nhân và thể nhân; theo quy mô, loại hình sở hữu; theo ngành nghề và theo không gian phát triển. Trên không gian tỉnh An Giang với cấu trúc “kép” biên giới - đồng bằng - biển - đảo, phát triển kinh tế tư nhân phải gắn với tổ chức không gian kinh tế và chuỗi giá trị, bảo đảm liên kết giữa các khu vực, hạn chế phát triển manh mún và phân tán nguồn lực.

***(2) Nâng tầm vai trò kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất***

### ***của nền kinh tế, đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng kinh tế***

Kinh tế tư nhân phải được xác định là lực lượng chủ lực trong các ngành, lĩnh vực có tính cạnh tranh cao của tỉnh An Giang, đặc biệt là chế biến nông, thủy sản, dược liệu, trái cây, bất động sản, logistics, thương mại cửa khẩu, dịch vụ, du lịch và kinh tế biển. Việc nâng tầm vai trò của khu vực kinh tế tư nhân phù hợp với quy luật phát triển kinh tế thị trường và yêu cầu phát huy nội lực trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Trong mối quan hệ với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân địa phương cần được tạo điều kiện giữ vai trò dẫn dắt thị trường, đồng thời tận dụng hiệu quả sự lan tỏa về công nghệ, quản trị và thị trường từ FDI. Nâng tầm kinh tế tư nhân không chỉ là thừa nhận vai trò của một số doanh nghiệp lớn, mà còn tạo động lực để toàn bộ khu vực tư nhân nâng cao năng lực cạnh tranh và trách nhiệm đối với sự phát triển của tỉnh.

### ***(3) Lấy nâng cao chất lượng phát triển làm trọng tâm trong phát triển kinh tế tư nhân***

Phát triển kinh tế tư nhân An Giang giai đoạn đến năm 2030 phải chuyển trọng tâm từ mở rộng về số lượng sang nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Trọng tâm là khắc phục các hạn chế mang tính cấu trúc của khu vực tư nhân, như năng lực quản trị, tiêu chuẩn chất lượng, minh bạch tài chính, trình độ công nghệ, khả năng liên kết chuỗi và năng lực thích ứng với yêu cầu thị trường.

Quan điểm này nhấn mạnh việc tận dụng “lợi thế đi sau” để rút ngắn quá trình nâng cấp doanh nghiệp thông qua áp dụng công nghệ phù hợp, chuẩn hóa quy trình, chuyển đổi số và xanh hóa sản xuất, kinh doanh. Nâng cao chất lượng kinh tế tư nhân là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp An Giang tham gia bền vững vào các chuỗi giá trị khu vực và quốc tế theo phương châm “5 hóa”: số hóa, xanh hóa, tối ưu hóa nguồn lực, thông minh hóa quản trị và hài hòa hóa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

### ***(4) Đổi mới tư duy và hoàn thiện thể chế là khâu đột phá đầu tiên để phát triển kinh tế tư nhân***

Phát triển kinh tế tư nhân An Giang đòi hỏi sự đổi mới nhất quán về nhận thức và tư duy trong hệ thống chính trị và bộ máy quản lý nhà nước. Kinh tế tư nhân cần được nhìn nhận đầy đủ với vai trò là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng kinh tế địa phương, từ đó thống nhất hành động trong tổ chức thực hiện chính sách.

Hoàn thiện thể chế và cải cách thủ tục hành chính phải được coi là khâu đột phá có tác động nhanh và trực tiếp nhất. Trọng tâm là bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch; giảm chi phí thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; xử lý hiệu quả độ trễ thủ tục trong giai đoạn hậu sáp nhập; đồng thời xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, kỷ luật, liêm chính, có năng lực thực thi cao.

***(5) Tạo môi trường và cơ hội đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch là biện pháp hỗ trợ căn bản và hiệu quả nhất đối với kinh tế tư nhân***

Việc phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang cần dựa trên nguyên tắc tạo lập môi trường và cơ hội đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch thay vì can thiệp hành chính hoặc hỗ trợ dàn trải. Trọng tâm là bảo đảm quyền sở hữu tài sản, thực thi hợp đồng, cải thiện cơ chế giải quyết tranh chấp và đơn giản hóa thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế và hải quan.

Chính sách hỗ trợ cần chuyển từ ưu đãi phổ quát sang hỗ trợ có mục tiêu, nội dung cụ thể gắn với nâng cao năng lực doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn về chất lượng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển nguồn nhân lực. Qua đó tạo nền tảng để doanh nghiệp tư nhân mở rộng quy mô, tham gia chuỗi giá trị và nâng cao sức cạnh tranh.

***(6) Phát triển kinh tế tư nhân gắn với tổ chức không gian kinh tế và cụm ngành động lực, phù hợp với định hướng tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***

Phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh An Giang cần được đặt trong tổng thể định hướng tái cơ cấu nền kinh tế, gắn chặt với tổ chức lại không gian phát triển và hình thành các cụm ngành, chuỗi giá trị động lực phù hợp với lợi thế của từng khu vực. Cụ thể gồm: cụm thương mại, logistics cửa khẩu; cụm chế biến nông, thủy sản gắn vùng nguyên liệu tập trung; cụm dịch vụ, du lịch và kinh tế biển.

Quan điểm này nhằm định hướng dòng vốn tư nhân vào các khu vực có lợi thế so sánh, tăng hiệu quả sử dụng hạ tầng, hạn chế phân hóa nội tỉnh và tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp đầu tàu, dẫn dắt kéo theo mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh.

Đồng thời, phát triển kinh tế tư nhân cần gắn với quá trình nâng cấp mô hình tăng trưởng của tỉnh theo hướng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản trị và cung ứng dịch vụ; qua đó từng bước nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời tạo động lực lan tỏa cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

***(7) Phát triển kinh tế tư nhân gắn với nâng cao năng lực chống chịu và quản trị rủi ro***

Trong bối cảnh rủi ro khí hậu, môi trường và biến động thị trường gia tăng, phát triển kinh tế tư nhân An Giang phải gắn với nâng cao năng lực chống chịu và quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và bảo đảm an toàn sản xuất, kinh doanh cần được coi là yếu tố nền tảng của sự phát triển, nhằm đảo đảm kinh tế tư nhân phát triển ổn định, bền vững, giảm thiểu rủi ro gián đoạn hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi

giá trị, đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế địa phương, có đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng, gắn với yêu cầu nâng cao nội lực của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh ngày càng gay gắt và yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường.

Định hướng phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh nhấn mạnh hai trụ cột cốt lõi:

(i) Củng cố và nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của lực lượng kinh tế tư nhân An Giang theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tham gia ngày càng sâu rộng vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu;

(ii) Phát triển đội ngũ doanh nhân An Giang có năng lực quản trị, đạo đức kinh doanh và khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh hiện đại.

Cụ thể:

*Thứ nhất, phát triển kinh tế tư nhân theo hướng hiện đại, hiệu quả và có năng lực cạnh tranh*

Phát triển kinh tế tư nhân An Giang giai đoạn đến năm 2030 phải tập trung vào nâng cao chất lượng phát triển, coi hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội và năng lực cạnh tranh là tiêu chí trung tâm. Trọng tâm là thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, khắc phục tình trạng sản xuất – kinh doanh quy mô nhỏ, phân tán và giá trị gia tăng thấp.

Doanh nghiệp tư nhân được khuyến khích mở rộng quy mô hợp lý, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp chuyển đổi số; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu để tiếp nhận và thương mại hóa công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây, logistics, du lịch, dịch vụ và kinh tế biển.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực kinh tế tư nhân được coi là điều kiện nền tảng, thông qua gắn kết đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng quản trị, kỹ năng số và kỹ năng nghề cho người lao động.

*Thứ hai, củng cố và nâng chất lượng kinh tế tư nhân thông qua liên kết chuỗi và liên kết khu vực*

Phát triển kinh tế tư nhân An Giang không chỉ là sự phát triển của từng doanh nghiệp riêng lẻ, mà là quá trình hình thành một lực lượng kinh tế tư nhân có tính hệ thống, được tổ chức thông qua các mối liên kết chặt chẽ và hiệu quả.

Tỉnh định hướng thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mô hình chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đầu chuỗi giữ vai trò dẫn dắt thị trường, công nghệ và tiêu chuẩn; doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia với vai trò vệ tinh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt. Đồng thời, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân địa phương với doanh nghiệp FDI để tiếp nhận chuyển giao và hấp thu công nghệ, trình độ quản trị hiện đại và mở rộng thị trường.

Bên cạnh đó, tỉnh khuyến khích kết nối doanh nghiệp tư nhân An Giang với cộng đồng doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ và nâng cao vị thế sản phẩm của tỉnh trên thị trường quốc tế.

*Thứ ba, phát triển doanh nghiệp tư nhân gắn với tạo tác động xã hội và phát triển bền vững*

Phát triển kinh tế tư nhân An Giang được định hướng gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm và tạo tác động xã hội tích cực. Tỉnh khuyến khích các mô hình kinh doanh tạo tác động xã hội trong các lĩnh vực có thế mạnh và nhu cầu lớn như nông nghiệp, du lịch, dịch vụ cộng đồng, môi trường và y tế.

Các doanh nghiệp tư nhân được khuyến khích lồng ghép mục tiêu lợi nhuận với mục tiêu tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân địa phương, đặc biệt là nhóm yếu thế, thông qua việc tham gia vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Đây được xem là hướng phát triển phù hợp với bối cảnh biến đổi khí hậu, yêu cầu bảo vệ môi trường và ổn định xã hội của tỉnh An Giang.

*Thứ tư, phát triển đội ngũ doanh nhân An Giang đáp ứng yêu cầu kinh doanh hiện đại*

Phát triển đội ngũ doanh nhân An Giang có năng lực quản trị, tư duy thị trường, đạo đức kinh doanh và khả năng quản trị rủi ro được coi là điều kiện đủ để tạo đột phá trong phát triển kinh tế tư nhân.

Tỉnh định hướng xây dựng đội ngũ doanh nhân có tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tuân thủ pháp luật, có văn hóa kinh doanh lành mạnh và khả năng thích ứng với biến động thị trường. Đồng thời, tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa chính quyền - doanh nghiệp - xã hội, tạo môi trường thuận lợi để doanh nhân yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển chung của tỉnh.

### **III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH AN GIANG**

#### ***1. Mục tiêu tổng quát***

Phát triển khu vực kinh tế tư nhân tỉnh An Giang trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của kinh tế tỉnh, có năng lực cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị, gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phát triển đồng bộ theo cấu trúc không gian “kép” biên giới - đồng bằng - biển - đảo,

góp phần nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng, tạo việc làm bền vững và tăng thu ngân sách.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:**

### *a) Phát triển số lượng, quy mô và sức sống doanh nghiệp*

Tăng nhanh số lượng doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động, phân đầu tốc độ tăng doanh nghiệp bình quân 10 - 12%/năm; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể/ngừng hoạt động. Theo điều kiện thực tế của Tỉnh, đến năm 2030 có ít nhất 26.000 doanh nghiệp<sup>1</sup> đang hoạt động và ngày càng có nhiều doanh nghiệp đạt tầm khu vực. Ngoài ra, tinh phân đầu hướng đến mục tiêu chung của cả nước là đạt khoảng 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày dân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Mỗi năm chuyển đổi ít nhất 150 hộ kinh doanh lên hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

Hình thành lực lượng doanh nghiệp dẫn dắt và phát triển chuỗi giá trị: 2 - 3 doanh nghiệp đầu tàu dẫn dắt trong mỗi sản phẩm, lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

### *b) Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và ngân sách*

Tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực ngoài nhà nước (khu vực tư nhân) trên 85% trong GRDP của tỉnh.

Tăng đóng góp của kinh tế tư nhân vào thu ngân sách địa phương từ 35 - 40%.

Năng suất lao động khu vực tư nhân tăng bình quân  $\geq 11 - 12\%$ /năm.

### *c) Nâng chất lượng cạnh tranh: chuẩn hóa, số hóa, xanh hóa*

Tăng tỷ lệ doanh nghiệp có đổi mới sáng tạo/ứng dụng công nghệ: đạt 35 - 40% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới ở mức phù hợp (đổi mới quy trình, sản phẩm, quản trị).

Tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số thực chất:

100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến thường xuyên;

50 - 60% doanh nghiệp có hệ thống quản trị số cơ bản (kế toán - bán hàng - kho - nhân sự);

Hình thành ít nhất 5 - 6 nền tảng số trong các lĩnh vực du lịch, logistics, nông nghiệp, bất động sản, kinh tế biển, thương mại biên mậu.

<sup>1</sup> Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 13/03/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới

*d) Chuyển đổi xanh và tuân thủ môi trường:*

- 60 - 70% doanh nghiệp trong các ngành rủi ro môi trường (chế biến, logistics, du lịch) áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng/nước, quản lý chất thải;

- Hình thành ít nhất 3 - 5 điểm thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn trong mỗi ngành sản xuất, dịch vụ.

*đ) Phát triển 3 cụm ngành ưu tiên của An Giang*

Cụm biên giới - cửa khẩu: phát triển hệ doanh nghiệp dịch vụ cửa khẩu/biên mậu, phân đầu tăng giá trị dịch vụ logistics - kho vận - thông quan bình quân  $\geq 12 - 15\%$ /năm; nâng tỷ lệ giao dịch theo hợp đồng và hồ sơ chuẩn hóa.

Cụm đồng bằng - chế biến: tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh; nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi nông - thủy sản (giảm bán thô, tăng sản phẩm có thương hiệu, truy xuất nguồn gốc).

Cụm biển - đảo - du lịch, dịch vụ: nâng chất lượng sản phẩm và chi tiêu du khách; phân đầu tăng doanh thu dịch vụ du lịch bình quân  $\geq 12 - 15\%$ /năm, kéo dài thời gian lưu trú và tăng tỷ trọng dịch vụ chất lượng cao.

*e) Phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ doanh nhân*

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong khu vực tư nhân: đạt 65 - 70%, trong đó 35 - 40% có bằng cấp, chứng chỉ; tăng nhanh lao động kỹ năng cho các lĩnh vực logistics, chế biến, du lịch - dịch vụ và kinh tế biển.

Phát triển đội ngũ doanh nhân: tổ chức chương trình đào tạo quản trị hiện đại; phân đầu 50 - 60% chủ doanh nghiệp được bồi dưỡng kiến thức quản trị, pháp lý, tài chính, chuyển đổi số/ESG theo chương trình của tỉnh.

#### **IV. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP**

Để thực hiện đúng quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, cần thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

##### **1. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh**

*(1) Tháo gỡ “chi phí thời gian” và khắc phục độ trễ trong thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn sau sáp nhập*

Rà soát, chuẩn hóa và thống nhất hệ thống quy hoạch trên toàn địa bàn tỉnh sau sáp nhập, bao gồm quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị - nông thôn và các quy hoạch

chuyên ngành khác có liên quan đến đầu tư tư nhân. Việc rà soát không chỉ nhằm bảo đảm tính pháp lý thống nhất, mà cần hướng tới khả năng tiếp cận và dự báo của doanh nghiệp, hạn chế tình trạng thông tin phân tán, chồng chéo hoặc thiếu cập nhật giữa các địa bàn trước đây. Trên cơ sở đó, xây dựng bộ tài liệu quy hoạch chuẩn hóa, trình bày rõ định hướng phát triển theo không gian, ngành và lĩnh vực ưu tiên, giúp doanh nghiệp chủ động xây dựng định hướng và kế hoạch đầu tư trung và dài hạn.

Đẩy mạnh công khai, số hóa và cập nhật thường xuyên thông tin phục vụ doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin dữ liệu về quy hoạch, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quỹ đất sạch, hạ tầng sẵn sàng cho đầu tư, thủ tục và thời hạn giải quyết hồ sơ, các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư và những thông tin tham chiếu khác (lao động, điện, nước, hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa) cần được tích hợp trên một cổng thông tin thống nhất của tỉnh. Cổng thông tin này không chỉ đóng vai trò cung cấp thông tin, mà phải trở thành công cụ hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp, cho phép tra cứu nhanh vị trí dự án, tình trạng pháp lý đất đai, khả năng kết nối hạ tầng và các ưu đãi liên quan.

Thiết lập cơ chế điều phối liên ngành thực chất trong giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư trên địa bàn tỉnh. Áp dụng mô hình đầu môi điều phối (thành lập Ban Hỗ trợ đầu tư tỉnh An Giang do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban) chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư, hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm đầu tư, thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư và theo dõi xuyên suốt quá trình triển khai thực hiện dự án.

Xác định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý của từng cơ quan, từng khâu, gắn với cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thực thi (áp dụng KPI trong giải quyết thủ tục đầu tư). Việc công khai tiến độ xử lý hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn, mức độ hài lòng của doanh nghiệp theo từng lĩnh vực và địa bàn sẽ tạo áp lực cải cách từ thực tiễn, đồng thời góp phần xây dựng niềm tin của khu vực kinh tế tư nhân đối với chính quyền địa phương trong giai đoạn chuyển đổi sau sáp nhập.

*(2) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất, lấy doanh nghiệp làm trung tâm*

Chuyển mạnh từ “cải cách hình thức” sang tác động thực chất đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Mục tiêu giảm 50% thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Rà soát, cắt giảm và hợp lý hóa các điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền của tỉnh, đặc biệt là các yêu cầu phát sinh dưới dạng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nội bộ hoặc hướng dẫn hành chính không còn phù hợp với thực tiễn. Chấm dứt ngay tình trạng “tái tạo rào cản” thông qua các yêu cầu bổ sung ngoài quy định của pháp luật trung ương, nhất là trong các lĩnh vực có mật độ thủ tục cao

như đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế và hải quan. Việc rà soát cần gắn với nguyên tắc: mỗi yêu cầu hành chính phải chứng minh được sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ ở mức chấp nhận được đối với doanh nghiệp.

Chuẩn hóa toàn bộ quy trình xử lý các thủ tục liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp tư nhân theo hướng đơn giản, minh bạch và có khả năng kiểm soát. Các quy trình như đăng ký kinh doanh, chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, quy hoạch, cấp phép xây dựng, giải quyết thủ tục đất đai, môi trường, hoàn thuế cần được thiết kế lại theo chuỗi công việc rõ ràng, xác định cụ thể đầu mối xử lý, thời hạn giải quyết và trách nhiệm cá nhân. Việc chuẩn hóa này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình mới sau sáp nhập, nhằm khắc phục sự khác biệt trong cách hiểu và cách áp dụng thủ tục giữa các địa bàn trước đây.

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn chặt với tái cấu trúc quy trình và nâng cao năng lực thực thi, tránh tình trạng “số hóa hình thức”. Trong đó, tập trung vào các thủ tục có tần suất phát sinh cao và tác động lớn đến chi phí của doanh nghiệp, bảo đảm người sử dụng có thể hoàn thành toàn bộ quy trình trên môi trường số, theo dõi được tiến độ xử lý và nhận kết quả đúng hạn. Mục tiêu là giảm đáng kể thời gian đi lại, tiếp xúc trực tiếp và chi phí không chính thức cho doanh nghiệp tư nhân.

Chuyển đổi mô hình quản trị nhà nước từ “quản lý - cấp phép” sang “kiến tạo - đồng hành” với doanh nghiệp. Chính quyền các cấp không chỉ đóng vai trò kiểm soát tuân thủ, mà cần chủ động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, đặc biệt đối với các doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

Các Sở, ban ngành, địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phấn đấu năm sau cắt giảm ít nhất 30% so với năm trước; tăng cường chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu "Đúng - Đủ - Sạch - Sóng - Thống nhất - Dùng chung"; tổ chức thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả các chính sách đã được ban hành, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc phát sinh; chủ động thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề vượt thẩm quyền, nhằm mục tiêu thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển đột phá, thực sự phát huy vai trò là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế của tỉnh.

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh không chỉ là rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, mà còn là giảm rủi ro chính sách và tăng khả năng dự báo cho khu vực kinh tế tư nhân. Tăng cường minh bạch hóa và số hóa toàn bộ thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh, bao gồm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quỹ đất sạch, hạ tầng sẵn sàng cho đầu tư, quy trình và thời hạn giải quyết thủ tục. Việc công khai đầy đủ,

cập nhật thường xuyên sẽ giúp doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, hạn chế tình trạng “xin - cho” và điều chỉnh chiến lược sản xuất, kinh doanh kịp thời.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực thi như một điều kiện quyết định thành công của cải cách. Trọng tâm là tăng kỷ luật, kỷ cương hành chính; làm rõ trách nhiệm cá nhân trong xử lý hồ sơ; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá thi đua, khen thưởng và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, thiết lập cơ chế giám sát độc lập và thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với từng thủ tục, từng cơ quan như đánh giá năng lực cạnh tranh của sở ngành và địa phương (DDCI), coi đây là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng môi trường kinh doanh của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

*(3) Bảo đảm cạnh tranh bình đẳng và mở rộng cơ hội tham gia của kinh tế tư nhân vào các hoạt động đầu tư, cung ứng dịch vụ công*

Hoàn thiện các cơ chế bảo đảm doanh nghiệp tư nhân được tham gia bình đẳng vào các dự án đầu tư công, dự án PPP và hoạt động đấu thầu mua sắm công trên địa bàn tỉnh. rà soát, chuẩn hoá toàn bộ quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với các dự án hạ tầng, dịch vụ công, logistics, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh và doanh nghiệp ngoài tỉnh. Các tiêu chí lựa chọn cần được thiết kế theo hướng phù hợp với năng lực thực tế của doanh nghiệp tư nhân, tránh đặt ra yêu cầu về quy mô, kinh nghiệm hoặc vốn không cần thiết, làm hạn chế khả năng tham gia của doanh nghiệp địa phương.

Mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân vào các hoạt động đầu tư và cung ứng dịch vụ công không chỉ tạo dư địa phát triển cho khu vực tư nhân, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước.

Đẩy mạnh áp dụng hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ từ Nhà nước cho khu vực tư nhân trong cung ứng các dịch vụ công và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt đối với các lĩnh vực như: vận hành, bảo trì hạ tầng; dịch vụ môi trường; logistics công cộng; dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; đào tạo nghề, y tế, giáo dục, du lịch công cộng và một số dịch vụ xã hội thiết yếu. Việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cần gắn với các tiêu chí rõ ràng về chất lượng, sản lượng, chi phí và kết quả đầu ra, đi kèm cơ chế thanh toán theo kết quả thực hiện, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách và tạo động lực cho doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ.

Đối với các lĩnh vực trước đây Nhà nước trực tiếp cung cấp hoặc tồn tại độc quyền trên thực tế thì từng bước chuyển từ mô hình “Nhà nước làm” sang mô hình “Nhà nước đặt hàng - tư nhân thực hiện - Nhà nước giám sát”. Cách tiếp cận này vừa phát huy vai trò kiến tạo của Nhà nước, vừa tạo dư địa phát

triển cho khu vực tư nhân, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ công.

Đối với các dự án PPP và các công trình hạ tầng quy mô vừa và nhỏ thì chủ động thiết kế danh mục dự án PPP khả thi, có phương án chia sẻ rủi ro rõ ràng, hợp lý giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Việc chuẩn bị tốt hồ sơ dự án, phương án tài chính và cơ chế thanh toán sẽ giúp giảm rủi ro, tăng tính hấp dẫn đối với khu vực tư nhân, đồng thời hạn chế tình trạng dự án chậm triển khai hoặc phải điều chỉnh nhiều lần.

Bên cạnh việc mở rộng cơ hội tham gia, tăng cường giám sát cạnh tranh và phòng ngừa lợi ích nhóm trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Việc công khai kết quả lựa chọn, hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của các bên liên quan, tạo môi trường cạnh tranh minh bạch và củng cố niềm tin của doanh nghiệp tư nhân vào cơ chế thị trường.

## **2. Nhóm giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế tư nhân**

Giải pháp huy động nguồn lực không chỉ dừng ở “tăng khả năng tiếp cận”, mà phải hướng tới nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp tư nhân, cụ thể:

*(1) Nâng cao khả năng tiếp cận vốn và đa dạng hóa kênh tài chính cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, không điều hành “*giật cục*”, “*gây sốc*” cho doanh nghiệp; triển khai các chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chuyển từ cách tiếp cận “hỗ trợ tín dụng đơn lẻ” sang tổ chức các kênh tài chính phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực và chuỗi giá trị của An Giang. Tăng cường phối hợp với hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn để nâng cao hiệu quả các chương trình tín dụng ưu tiên cho khu vực kinh tế tư nhân, gắn với các lĩnh vực trọng điểm như chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, logistics, du lịch, dịch vụ và thương mại biên giới. Việc phối hợp này không chỉ dừng ở phân bổ hạn mức tín dụng, mà cần thống nhất các tiêu chí đánh giá dự án, phương án kinh doanh và dòng tiền phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp địa phương.

Phát huy vai trò của các quỹ hỗ trợ tài chính, đặc biệt là Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quỹ phát triển doanh nghiệp. Các quỹ này cần được vận hành theo hướng linh hoạt, minh bạch, tập trung bảo lãnh cho các dự án khả thi nhưng thiếu tài sản thế chấp, qua đó giảm rủi ro cho ngân hàng

và mở rộng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp tư nhân. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh quy trình bảo lãnh theo hướng rút ngắn thời gian xử lý, tránh trùng lặp thủ tục giữa quỹ và ngân hàng.

Một nội dung then chốt là thúc đẩy các mô hình tín dụng dựa trên chuỗi giá trị, hợp đồng, hóa đơn và dòng tiền, thay vì chỉ dựa vào tài sản bảo đảm truyền thống. Tỉnh đóng vai trò điều phối, kết nối doanh nghiệp đầu chuỗi, ngân hàng và các tổ chức tài chính để hình thành các gói tín dụng theo chuỗi, trong đó rủi ro được phân bổ và kiểm soát tốt hơn.

Tổ chức các chương trình tư vấn, đào tạo về lập phương án sản xuất, kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị dòng tiền và minh bạch hóa báo cáo tài chính cho DNNVV. Việc nâng cao năng lực này không chỉ giúp doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả hơn, mà còn tạo điều kiện để ngân hàng và các tổ chức tài chính đánh giá chính xác hơn mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp, từ đó mở rộng khả năng tiếp cận vốn một cách bền vững.

Đa dạng hóa các kênh tài chính và nâng cao khả năng tiếp cận vốn phù hợp với chuỗi giá trị, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động và tăng cường năng lực cạnh tranh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2030.

*(2) Cải thiện khả năng tiếp cận đất đai và hạ tầng cho sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân*

Tập trung thu hút, kêu gọi đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu, đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, lựa chọn chủ đầu tư đối với các dự án đã đảm bảo điều kiện pháp lý để bổ sung quỹ đất sạch kêu gọi đầu tư các nhà đầu tư thứ cấp các ngành, lĩnh vực trọng tâm của tỉnh.

Thực hiện công khai, minh bạch và số hóa toàn bộ thông tin về quỹ đất sẵn có và quỹ đất hình thành trong tương lai phục vụ sản xuất, kinh doanh. Rà soát, cập nhật và công bố thông tin nhất dữ liệu về quỹ đất tại các khu, cụm công nghiệp, các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu,; cụm chế biến nông, thủy sản; cụm logistics; khu dịch vụ, du lịch, bao gồm vị trí, quy mô, hiện trạng pháp lý, hạ tầng kỹ thuật, giá thuê và điều kiện sử dụng. Việc công khai thông tin đầy đủ, dễ tiếp cận sẽ giúp doanh nghiệp tư nhân chủ động lựa chọn địa điểm đầu tư, giảm thời gian tìm hiểu và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

Đơn giản hóa và chuẩn hóa thủ tục thuê đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án sản xuất kinh doanh hợp pháp của khu vực tư nhân. Các thủ tục liên quan đến đất đai cần được thiết kế theo quy trình rõ ràng, thống nhất trên toàn tỉnh, hạn chế tối đa sự khác biệt trong áp dụng giữa các địa bàn trước sáp nhập. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên, tỉnh có thể áp

dụng cơ chế rút gọn, song vẫn bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đất đai và môi trường.

Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch và mặt bằng sẵn sàng cho đầu tư, thay vì để doanh nghiệp tự thỏa thuận giải phóng mặt bằng kéo dài. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho các dự án tư nhân trong các cụm ngành động lực như chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, logistics cửa khẩu, du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Việc chuẩn bị quỹ đất sạch, đi kèm hạ tầng kỹ thuật cơ bản, sẽ giúp rút ngắn đáng kể thời gian triển khai dự án, giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, đồng thời tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư địa phương.

Trong quá trình lập, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn cần dành không gian, quỹ đất đủ lớn tại những khu vực phù hợp để phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, cụm chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu tập trung, hạ tầng dịch vụ logistics, quỹ đất phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch, vui chơi giải trí, khu kinh tế cửa khẩu, gắn với hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, các tuyến ven biển, các trục ngang gắn với các tuyến huyết mạch (cao tốc, quốc lộ) để tăng cường khả năng thu hút đầu tư, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại các khu, cụm sản xuất, kinh doanh, bao gồm giao thông kết nối, điện, nước, viễn thông và hạ tầng số. Việc đầu tư hạ tầng không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt, mà cần được tính toán theo định hướng phát triển dài hạn của từng khu vực, bảo đảm khả năng mở rộng và kết nối hiệu quả giữa các không gian kinh tế biên giới - đồng bằng - ven biển, đảo. Đối với những hạng mục hạ tầng có khả năng thu hồi vốn, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các hình thức PPP và xã hội hóa.

### *(3) Giảm chi phí logistics và chi phí giao dịch*

Phát triển hạ tầng logistics và dịch vụ logistics đồng bộ, gắn với các cửa khẩu, vùng sản xuất tập trung, khu chế biến và các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh. Ưu tiên hình thành và nâng cấp các trung tâm logistics, kho vận, kho lạnh, trung tâm phân phối tại những vị trí có lợi thế kết nối, giúp rút ngắn quãng đường vận chuyển, giảm chi phí trung gian và hạn chế thất thoát hàng hóa, đặc biệt đối với nông, thủy hải sản và trái cây. Việc quy hoạch và phát triển các điểm logistics cần gắn chặt với định hướng phát triển cụm ngành và không gian kinh tế của tỉnh, tránh đầu tư dàn trải và manh mún.

Khuyến khích mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, vận hành và cung ứng các dịch vụ logistics chuyên nghiệp. Đối với các hạng mục có khả năng xã hội hóa cao như kho bãi, kho lạnh, trung tâm phân phối, dịch vụ vận tải và giao nhận sẽ được tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, thủ tục đầu tư và tiếp

cận tín dụng để doanh nghiệp tư nhân tham gia. Việc phát triển đội ngũ doanh nghiệp logistics địa phương sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị trung gian ngoài tỉnh, qua đó giữ lại giá trị gia tăng trong địa bàn.

Giảm chi phí giao dịch thông qua cải cách thủ tục và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động logistics. Trọng tâm là rút ngắn thời gian thông quan, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý tại cửa khẩu và các điểm trung chuyển hàng hóa. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các giải pháp số trong quản lý kho vận, theo dõi đơn hàng, truy xuất nguồn gốc và thanh toán điện tử, giúp giảm chi phí, tăng tính minh bạch và khả năng kiểm soát rủi ro.

Tăng cường liên kết logistics theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp sản xuất, chế biến, logistics và thương mại phối hợp chặt chẽ để tối ưu hóa vận chuyển và lưu kho. Nhà nước đóng vai trò điều phối, hỗ trợ hình thành các mô hình logistics dùng chung, trung tâm logistics phục vụ nhiều doanh nghiệp trong cùng cụm ngành, qua đó giảm chi phí đơn vị và nâng cao hiệu quả vận hành. Đối với các ngành như nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây và du lịch, việc tổ chức logistics theo chuỗi còn giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

#### *(4) Phát triển nguồn nhân lực*

Tổ chức rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực trung hạn và dài hạn theo từng ngành, lĩnh vực và chuỗi giá trị ưu tiên của tỉnh như chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, logistics, thương mại biên giới, du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Kết quả dự báo được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh quy mô, cơ cấu và nội dung đào tạo nghề, đào tạo đại học và các chương trình đào tạo ngắn hạn. Cách tiếp cận này giúp khắc phục tình trạng lệch pha cung - cầu lao động, đồng thời nâng cao khả năng sử dụng lao động tại chỗ của khu vực kinh tế tư nhân.

Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế tư nhân. Chuyển mạnh từ đào tạo theo khả năng của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động địa phương, gắn đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh theo hướng thực hành, linh hoạt và gắn với doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần tăng cường hợp tác với doanh nghiệp tư nhân trong xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo đơn đặt hàng và thực tập có trả lương. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, chi phí chuyển đổi nghề và đào tạo lại cho lao động tham gia các ngành, lĩnh vực ưu tiên, qua đó giảm chi phí nhân lực cho doanh nghiệp và nâng cao năng suất lao động. Bên cạnh đó cần phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển

đổi số, đổi mới sáng tạo và logistics - những lĩnh vực đang là điểm nghẽn của khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh.

Khuyến khích doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ để đào tạo kỹ năng số, kỹ năng quản lý dữ liệu, vận hành hệ thống logistics và thương mại điện tử. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ hỗ trợ thông qua các chương trình đào tạo ngắn hạn, tư vấn tại chỗ và hỗ trợ chuyên gia, giúp doanh nghiệp từng bước nâng cao năng lực mà không tạo thêm gánh nặng chi phí lớn theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tập trung đào tạo các nhóm kỹ năng then chốt trong lĩnh vực chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây, trọng tâm là kỹ năng vận hành dây chuyền, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Trong lĩnh vực logistics và thương mại biên giới, cần chú trọng kỹ năng kho vận, giao nhận, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, quản lý đơn hàng và ứng dụng công nghệ số. Trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, đào tạo cần gắn với kỹ năng phục vụ, ngoại ngữ, quản lý điểm đến và ứng dụng du lịch số. Việc đào tạo theo định hướng này giúp hình thành lực lượng lao động có khả năng đáp ứng ngay yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Song song với đào tạo nghề, đẩy mạnh đào tạo kỹ năng mềm và kỹ năng quản trị cho đội ngũ lao động và chủ doanh nghiệp tư nhân, bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỷ luật lao động, quản lý sản xuất, quản lý dịch vụ và an toàn lao động. Đây là những yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhưng thường bị xem nhẹ trong đào tạo truyền thống.

Có chính sách thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc lâu dài trong khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt ở các ngành chế biến sâu, chế biến tinh, logistics, du lịch chất lượng cao và kinh tế biển. Trọng tâm không chỉ là ưu đãi tài chính, mà là cải thiện môi trường sống, điều kiện làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, sử dụng và đãi ngộ lao động chất lượng cao.

### **3. Nhóm giải pháp lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân**

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, giao việc lớn, việc khó, việc mang tính đột phá cho các doanh nghiệp tư nhân có năng lực, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu chuỗi trong các ngành hàng chủ lực như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thủy sản, logistics, du lịch và kinh tế biển.

Tập trung ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh gắn với đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, như dự án phục vụ Hội nghị APEC, tuyến Cao tốc, các tuyến có tính liên kết vùng và nội tỉnh, các

tuyến đường hành lang ven biển, các tuyến nối với khu vực kinh tế cửa khẩu, các trung tâm đô thị lớn, các khu, cụm công nghiệp, cụm ngành chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây gắn với vùng nguyên liệu tập trung, các khu, điểm du lịch trọng tâm của tỉnh làm tăng khả năng thu hút đầu tư.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh với vai trò là công cụ tài chính chiến lược, hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Quỹ cần được vận hành theo hướng linh hoạt, có khả năng tham gia đồng đầu tư với doanh nghiệp trong các dự án trọng điểm, đặc biệt trong các lĩnh vực có tiềm năng tạo đột phá như công nghiệp chế biến sâu, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển và năng lượng tái tạo.

#### **4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân**

*- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng năng lực nền tảng, đẩy mạnh chuẩn hoá và đổi mới sáng tạo*

Để hỗ trợ nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân, Nhà nước cần thực hiện **“5 thông”**: (i) Thẻ chế, thủ tục thông thoáng để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; (ii) Hạ tầng đồng bộ, thông suốt để giảm chi phí đầu vào, tăng tính cạnh tranh; (iii) Con người và quản trị thông minh để góp phần tăng năng suất lao động; (iv) Nguồn lực cho doanh nghiệp tư nhân phải được khơi thông, giúp doanh nghiệp tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, khuyến khích nguồn lực của tư nhân; (v) Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp phải được chia sẻ, cảm thông để có chính sách phù hợp, hiệu quả.

Doanh nghiệp cần thực hiện **“5 tiên phong”**: (i) Tiên phong trong đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế; (ii) Tiên phong trong đào tạo nguồn nhân lực, tạo việc làm, sinh kế cho người dân và làm an sinh xã hội; (iii) Tiên phong trong xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách và thực thi pháp luật nghiêm túc; (iv) Tiên phong trong xây dựng văn hóa, nhân văn trong hoạt động kinh doanh; (v) Tiên phong đóng góp, huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển tỉnh, tăng cường hợp tác công tư. Cụ thể:

Giải pháp cần tập trung vào việc xây dựng nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp, tránh cách tiếp cận phong trào hoặc đầu tư công nghệ mang tính hình thức.

Trọng tâm trước hết là hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh. Tổ chức các chương trình tư vấn, đào tạo chuyên sâu giúp doanh nghiệp xác định rõ thị trường mục tiêu, lựa chọn phân khúc phù hợp, xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá và kênh phân phối gắn với lợi thế của từng ngành, từng địa bàn. Đối với các doanh nghiệp nông nghiệp, thủy sản và chế biến, trọng tâm là hỗ trợ xây dựng chiến lược tham

gia chuỗi giá trị, chiến lược nâng cấp sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đối với doanh nghiệp dịch vụ, logistics và du lịch, cần hỗ trợ định hình chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu và kéo dài chuỗi tiêu dùng.

Song song với đó, nâng cao năng lực kế toán - tài chính và quản trị minh bạch là yêu cầu then chốt. Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân chuẩn hóa hệ thống kế toán, báo cáo tài chính và quản trị dòng tiền theo các chuẩn mực phù hợp, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc áp dụng các công cụ kế toán số, phần mềm quản trị tài chính và hệ thống báo cáo định kỳ không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mà còn là điều kiện cần để tiếp cận tín dụng, thu hút đối tác và tham gia các chương trình hỗ trợ của Nhà nước. Cách tiếp cận cần nhấn mạnh vai trò của kế toán, tài chính như một công cụ quản trị, chứ không chỉ là nghĩa vụ tuân thủ.

Cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin thị trường là nội dung hỗ trợ quan trọng. Xây dựng và vận hành các kênh thông tin tập trung về thị trường trong nước và quốc tế, bao gồm xu hướng tiêu dùng, yêu cầu tiêu chuẩn, biến động giá cả, chính sách thương mại và các cơ hội xuất khẩu. Thông tin cần được xử lý, cập nhật và truyền tải theo cách dễ tiếp cận, phù hợp với năng lực tiếp nhận của doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp doanh nghiệp ra quyết định kịp thời và chính xác hơn. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp hình thành thói quen sử dụng dữ liệu và thông tin thị trường như một đầu vào quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên nền tảng đó, chuẩn hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh cần được triển khai một cách có trọng tâm. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, quản lý môi trường, quản trị doanh nghiệp và minh bạch tài chính. Chuẩn hóa không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu, mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín, giảm rủi ro pháp lý và tăng khả năng tham gia các chuỗi cung ứng hiện đại.

Chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo cần được triển khai trên cơ sở các năng lực nền tảng đã được củng cố. Chuyển đổi số không dàn trải, mà tập trung vào các khâu tạo giá trị trực tiếp như quản lý đơn hàng, kho vận, kế toán, truy xuất nguồn gốc, bán hàng và chăm sóc khách hàng. Đổi mới sáng tạo được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm đổi mới mô hình kinh doanh, quy trình, sản phẩm và dịch vụ phù hợp với điều kiện của An Giang, gắn chặt với nhu cầu thị trường và khả năng thương mại hóa.

Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân theo hướng tích hợp, bao gồm tư vấn chiến lược, kế toán, tài chính, thông tin thị trường, đào tạo kỹ

năng và hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời tăng cường kết nối doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học công nghệ. Các nội dung hỗ trợ cần được lồng ghép thống nhất trong các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh, bảo đảm tính liên thông, tránh trùng lặp và tập trung vào nâng cao năng lực thực chất của doanh nghiệp tư nhân.

*- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân mở rộng quy mô và nâng cấp mô hình kinh doanh theo chiều sâu*

Tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp tư nhân vượt qua “ngưỡng nhỏ”, mở rộng quy mô một cách hợp lý, đầu tư theo chiều sâu và từng bước nâng cấp mô hình kinh doanh. Đối với các ngành có lợi thế của tỉnh như nông, thủy hải sản, chế biến, logistics, thương mại biên giới và du lịch, dịch vụ, cần chuyển đổi mạnh mẽ từ cung ứng sản phẩm sơ chế, thô, giá trị gia tăng thấp sang sản phẩm chế biến sâu, chế biến tinh, sản phẩm có thương hiệu và dịch vụ chất lượng cao, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Việc nâng cấp này không chỉ giúp doanh nghiệp tăng biên lợi nhuận, mà còn giảm rủi ro trước biến động giá cả và thị trường.

Một nội dung quan trọng là thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân chuẩn hóa toàn diện hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ quản trị, tài chính, lao động đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Chuẩn hóa giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn chi phí, rủi ro pháp lý và tài chính, đồng thời tạo nền tảng để tiếp cận vốn, đối tác và các thị trường có yêu cầu cao. Lồng ghép các chương trình hỗ trợ chuẩn hóa với các chính sách về tín dụng, đất đai và chuyển đổi số để tạo động lực thực chất cho doanh nghiệp nâng cấp mô hình hoạt động.

Chuyển đổi số tiếp tục đóng vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng trong quá trình mở rộng quy mô, nhưng cần được triển khai theo cách tiếp cận phù hợp với quy mô và năng lực của doanh nghiệp, tránh chạy theo phong trào. Đối với đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa của An Giang, chuyển đổi số hiệu quả trước hết là số hóa các khâu cốt lõi như kế toán, bán hàng, kho vận, quản lý đơn hàng và dịch vụ khách hàng, qua đó cải thiện năng suất, giảm chi phí và tăng khả năng quản trị khi doanh nghiệp mở rộng quy mô.

Để vượt qua tâm lý “không muốn lớn” và tình trạng phát triển manh mún, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân liên kết, hợp tác và sáp nhập trên cơ sở tự nguyện, hình thành các doanh nghiệp có đủ quy mô và năng lực cạnh tranh. Các hình thức liên kết có thể bao gồm hợp tác sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, liên doanh trong đầu tư chế biến, logistics và dịch vụ, hoặc sáp nhập để tối ưu hóa nguồn lực và giảm chi phí. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ về thông tin, tư vấn pháp lý và kết nối, bảo đảm quá trình liên kết, sáp nhập diễn ra minh bạch, lành mạnh và phù hợp với quy định pháp luật.

*- Khuyến khích doanh nghiệp thực hành kinh doanh tạo tác động và tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội.*

Trong giai đoạn tới, phát triển kinh tế tư nhân An Giang không chỉ tập trung vào gia tăng số lượng và hiệu quả của kinh tế tư nhân mà còn cần nhấn mạnh tới khuyến khích các doanh nghiệp kinh tế tư nhân chuyển mạnh sang mô hình kinh doanh tạo tác động gắn với thực hiện trách nhiệm xã hội (CSR). Đây là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro xã hội - môi trường và bảo đảm tăng trưởng bền vững trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Theo đó, cần lồng ghép các tiêu chí về CSR, bảo vệ môi trường, sử dụng lao động bền vững và tạo giá trị xã hội vào các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân (tín dụng, đất đai, xúc tiến thương mại, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số). Các doanh nghiệp thực hiện tốt CSR, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và tạo việc làm cho lao động địa phương, lao động yếu thế cần được ưu tiên tiếp cận nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Đồng thời, khuyến khích phát triển mô hình kinh doanh tạo tác động trong các lĩnh vực có lợi thế của An Giang như nông nghiệp, thủy hải sản bền vững, chế biến nông, thủy sản gắn với kinh tế tuần hoàn, du lịch sinh thái, cộng đồng và các mô hình doanh nghiệp xã hội. Cùng với đó, tăng cường đào tạo, tư vấn để nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện CSR cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp doanh nghiệp coi CSR là một bộ phận của chiến lược kinh doanh, không phải chi phí phát sinh.

Bên cạnh cơ chế khuyến khích, cần tăng cường giám sát và thực thi pháp luật đối với các vi phạm về môi trường, lao động, an toàn thực phẩm, đồng thời xây dựng cơ chế tôn vinh, công bố và lan tỏa các doanh nghiệp thực hiện tốt CSR. Qua đó, hình thành động lực thị trường và chuẩn mực phát triển mới cho khu vực kinh tế tư nhân, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng của An Giang theo hướng nhanh hơn, bền vững hơn và bao trùm hơn trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

## **5. Nhóm giải pháp phát triển kinh tế tư nhân theo cụm ngành và chuỗi giá trị đặc thù của tỉnh An Giang**

Trong bối cảnh tỉnh An Giang hình thành không gian phát triển mở rộng và đa dạng sau sáp nhập, phát triển kinh tế tư nhân không thể tiếp tục theo hướng phân tán, manh mún theo từng địa bàn hành chính, mà cần tổ chức lại theo cụm ngành và chuỗi giá trị, gắn với lợi thế không gian, thị trường và kết nối vùng. Đây là hướng tiếp cận có ý nghĩa quyết định để khu vực kinh tế tư nhân nâng cao quy mô, hiệu quả và khả năng tham gia sâu vào thị trường trong nước và quốc tế.

Trọng tâm là xác lập doanh nghiệp tư nhân làm hạt nhân liên kết, từng

bước hình thành các cụm ngành có doanh nghiệp đầu tàu dẫn dắt, với mục tiêu phát triển mỗi cụm ngành hàng có ít nhất từ 2-3 doanh nghiệp đầu tàu, dẫn dắt chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị, qua đó nâng cao quy mô, hiệu quả và khả năng hội nhập của khu vực kinh tế tư nhân.

Tiêu chí xác định doanh nghiệp đầu tàu, dẫn dắt chuỗi giá trị:

*Tiêu chí bắt buộc:*

Doanh nghiệp được xem xét là doanh nghiệp đầu chuỗi cần đáp ứng tối thiểu các tiêu chí sau:

- Quy mô và năng lực tài chính: vốn chủ sở hữu đủ lớn, khả năng huy động vốn trung và dài hạn; không vi phạm nghiêm trọng về thuế, bảo hiểm, môi trường.

- Năng lực thị trường: có thị trường đầu ra ổn định (trong nước hoặc xuất khẩu), thương hiệu được nhận diện, có khả năng ký hợp đồng dài hạn.

- Năng lực tổ chức chuỗi: có kinh nghiệm liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất; có hệ thống kiểm soát chất lượng, tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc.

- Tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững: đáp ứng yêu cầu về môi trường, lao động, an toàn thực phẩm, ESG ở mức phù hợp với ngành.

*Tiêu chí ưu tiên (để xếp hạng, lựa chọn)*

- Doanh nghiệp của người An Giang, có nhà máy/đầu tư hiện hữu hoặc cam kết đầu tư tại An Giang.

- Có chiến lược phát triển chuỗi giá trị, sẵn sàng đặt hàng, chuyên giao công nghệ, đào tạo nhà cung ứng địa phương.

- Có năng lực đổi mới sáng tạo (chế biến sâu, logistics, số hóa, kinh tế xanh).

- Có khả năng kết nối vùng - quốc tế, tham gia mạng lưới phân phối lớn.

*(1) Phát triển thương mại biên giới và kinh tế cửa khẩu theo chiều sâu*

Đối với thương mại biên giới và kinh tế cửa khẩu, trọng tâm phát triển cần chuyển từ gia tăng lưu lượng giao dịch sang nâng cao chất lượng dịch vụ và giá trị gia tăng. Tập trung phát triển hệ sinh thái dịch vụ cửa khẩu hoàn chỉnh, trong đó doanh nghiệp tư nhân đóng vai trò chủ thể cung ứng các dịch vụ logistics, kho vận, kho lạnh, kiểm định - kiểm dịch, đóng gói, tài chính thương mại và dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu. Có cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư vào các trung tâm logistics, kho lạnh quy mô lớn tại các nút giao này để giảm chi phí, giúp nông sản từ đồng bằng tiếp cận cửa ngõ xuất khẩu biển một cách nhanh

nhất với chi phí thấp nhất.

Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân chuyên đổi phương thức giao dịch, từng bước giảm phụ thuộc vào giao dịch ngắn hạn, tiểu ngạch, sang giao dịch chính ngạch theo hợp đồng dài hạn, có tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và cơ chế thanh toán rõ ràng. Việc tiêu chuẩn hóa quy trình xuất nhập khẩu không chỉ giúp doanh nghiệp giảm rủi ro pháp lý và chi phí giao dịch, mà còn nâng cao uy tín và khả năng mở rộng thị trường.

Nhà nước đóng vai trò điều phối, kết nối các cơ quan quản lý, ngân hàng, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp xuất nhập khẩu, nhằm rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí và tạo môi trường kinh doanh ổn định cho doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong khu vực cửa khẩu.

*(2) Phát triển kinh tế tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường gắn với nông nghiệp xanh và chuỗi giá trị*

Trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, cần chuyển trọng tâm chính sách từ hỗ trợ sản xuất nhỏ lẻ sang khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư nông nghiệp xanh quy mô lớn, nông nghiệp tuần hoàn và phát triển bền vững. Thiết kế các gói tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải; đồng thời triển khai cơ chế hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư công nghệ sạch, xử lý chất thải và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

Về đất đai, cần làm rõ và chủ động bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp tư nhân đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, bao gồm đất cho xử lý môi trường, đất cho chế biến và tuần hoàn phụ phẩm, cũng như cơ chế tích tụ, tập trung đất đai gắn với doanh nghiệp tư nhân thông qua thuê đất dài hạn, góp đất hoặc liên kết với hợp tác xã và nông dân.

Song song đó, thúc đẩy đổi mới sáng tạo xanh thông qua cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thử nghiệm mô hình mới, hỗ trợ chuyển giao công nghệ xanh và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các tiêu chuẩn, chứng chỉ bền vững để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

*(3) Phát triển chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây gắn với vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị*

Đối với lĩnh vực chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây giải pháp cốt lõi là hình thành và củng cố chuỗi liên kết bền vững giữa doanh nghiệp chế biến - vùng nguyên liệu - logistics - thị trường, thay thế mô hình sản xuất và tiêu thụ rời rạc, thiếu liên kết hiện nay. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng, từng bước giảm tỷ trọng xuất khẩu thô. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư

công nghệ sạch.

Phát triển vùng nguyên liệu cần gắn với doanh nghiệp chế biến thông qua hợp đồng dài hạn, tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ tổ chức lại sản xuất, kết nối doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất, bảo đảm tính ổn định của nguồn cung và chất lượng đầu vào cho chế biến.

Đồng thời, cần thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông, thủy hải sản, dược liệu và trái cây của tỉnh An Giang, gắn với tiêu chuẩn, chỉ dẫn địa lý và hệ thống phân phối hiện đại. Việc này giúp doanh nghiệp tư nhân nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng giá trị gia tăng trong chuỗi.

### *(3) Phát triển du lịch, dịch vụ và kinh tế biển theo mô hình hệ sinh thái*

Đôi với du lịch, dịch vụ và kinh tế biển, cần chuyển từ phát triển manh mún, đơn lẻ sang phát triển theo mô hình hệ sinh thái du lịch, dịch vụ, trong đó doanh nghiệp tư nhân giữ vai trò trung tâm. Trọng tâm không chỉ là gia tăng số lượng cơ sở lưu trú hay điểm tham quan, mà là nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực quản trị điểm đến và trải nghiệm của du khách.

Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng hóa loại hình dịch vụ, gắn kết du lịch với thương mại, ẩm thực, văn hóa, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động trải nghiệm đặc thù. Việc phát triển đồng bộ các dịch vụ này sẽ giúp kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu của du khách và lan tỏa lợi ích kinh tế trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, tăng cường vai trò điều phối của tỉnh trong quản trị điểm đến, bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa các doanh nghiệp, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ và tính bền vững của phát triển du lịch.

### *(4) Gắn phát triển cụm ngành với tổ chức lại không gian kinh tế sau sáp nhập*

Với cấu trúc không gian “kép” sau sáp nhập, phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh cần gắn chặt với tổ chức lại không gian kinh tế theo cụm ngành và chuỗi giá trị, tránh đầu tư dàn trải và cạnh tranh nội bộ không cần thiết. Xác định rõ vai trò và chức năng của từng không gian phát triển (biên giới - đồng bằng - ven biển - đảo), từ đó định hướng phân bố doanh nghiệp, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ phù hợp.

### *(5) Phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*

- Xây dựng và triển khai chương trình phát triển doanh nghiệp khoa học -

công nghệ và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với các ngành kinh tế chủ lực, có lợi thế của địa phương như nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng và chế biến thủy sản, chế biến nông sản, logistics nông nghiệp, thương mại biên giới, du lịch và kinh tế biển. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ trong các khâu giống, sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sâu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thúc đẩy ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chuỗi khối (Blockchain) trong quản lý chuỗi cung ứng nông sản và thủy sản. đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, logistics, marketing và thương mại điện tử. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp số (ERP), quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nền tảng thương mại điện tử và thanh toán số. Đồng thời, thúc đẩy phát triển các nền tảng số ngành trong các lĩnh vực như nông nghiệp, thủy sản, logistics, du lịch và thương mại biên giới nhằm nâng cao tính kết nối của hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương.

- Hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo phát triển. Trên cơ sở các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp và các khu, cụm công nghiệp, tỉnh cần hình thành và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp, không gian làm việc chung và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, thúc đẩy hình thành các sản phẩm giao dịch công nghệ, các nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, chuyển giao và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học.

- Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Các cơ chế hỗ trợ có thể bao gồm ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học - công nghệ, hỗ trợ chi phí nghiên cứu - thử nghiệm công nghệ mới, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm công nghệ. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng các viện, trường nghiên cứu các giải pháp công nghệ phục vụ sản xuất và kinh doanh, qua đó tăng cường liên kết giữa khu vực nghiên cứu và khu vực doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, tự động hóa và công nghệ sinh học; đồng thời khuyến khích mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp, đào tạo theo dự án và đào tạo theo nhu cầu của thị trường. Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên

cứu trong và ngoài vùng để phát triển các chương trình đào tạo kỹ sư, chuyên gia công nghệ phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

*(Thực hiện có hiệu quả, đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình Hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2030 được phê duyệt)*

## **6. Nhóm giải pháp phát triển đội ngũ doanh nhân**

Trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân, đội ngũ doanh nhân giữ vai trò then chốt, quyết định năng lực tổ chức sản xuất, kinh doanh, khả năng đổi mới sáng tạo và mức độ tham gia của doanh nghiệp vào các chuỗi giá trị. Đối với tỉnh An Giang, nơi khu vực kinh tế tư nhân chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc phát triển đội ngũ doanh nhân không chỉ nhằm nâng cao kỹ năng quản trị trước mắt, mà còn hướng tới hình thành lớp doanh nhân có tư duy dài hạn, quản trị bài bản, tuân thủ pháp luật và chủ động quản trị rủi ro, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân trong trung và dài hạn.

Trọng tâm của giải pháp là xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân theo nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và theo từng nhóm ngành, cụm ngành kinh tế. Nội dung đào tạo cần tập trung vào các năng lực cốt lõi như: quản trị doanh nghiệp hiện đại; pháp lý trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính, dòng tiền; quản trị rủi ro và tuân thủ; chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong quản trị. Các chương trình đào tạo cần được thiết kế linh hoạt, thực chất, gắn với tình huống cụ thể của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tránh nặng lý thuyết, bảo đảm doanh nhân có thể áp dụng ngay vào hoạt động điều hành doanh nghiệp.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực chung cho đội ngũ doanh nhân hiện hữu, đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ doanh nhân trẻ - lực lượng có vai trò quyết định trong việc đổi mới mô hình kinh doanh, ứng dụng công nghệ và tạo động lực tăng trưởng mới. Do đó, cần thiết kế các chương trình đào tạo, ươm tạo và bồi dưỡng doanh nhân trẻ gắn với khởi nghiệp, chuyên gia thế hệ trong doanh nghiệp gia đình, cũng như thu hút lực lượng trí thức trẻ, lao động chất lượng cao tham gia khu vực kinh tế tư nhân. Nội dung hỗ trợ cần tập trung vào tư duy chiến lược, kỹ năng quản trị hiện đại, khả năng tiếp cận thị trường, tài chính và công nghệ, qua đó hình thành lớp doanh nhân kế cận có năng lực dẫn dắt doanh nghiệp phát triển bền vững.

Chuyển mạnh từ cách tiếp cận đào tạo dàn trải sang đào tạo theo nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp và từng ngành, lĩnh vực trọng điểm như logistics, chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, thương mại biên giới, du lịch, dịch vụ và kinh tế số. Việc phát triển đội ngũ doanh nhân cần được gắn chặt với phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, giúp doanh nhân không chỉ nâng cao năng

lực cá nhân, mà còn có khả năng tổ chức, dẫn dắt và giữ chân đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Thúc đẩy cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và các tổ chức hỗ trợ trong xây dựng nội dung, tổ chức đào tạo, thực tập và tuyển dụng. Doanh nhân và doanh nghiệp cần được tham gia trực tiếp vào quá trình xác định nhu cầu đào tạo, phản hồi chất lượng chương trình và kết nối người học với nhu cầu sử dụng lao động. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của các doanh nhân thành đạt, chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài tỉnh, hình thành môi trường học tập, chia sẻ kinh nghiệm và lan tỏa tri thức quản trị.

Bên cạnh nâng cao năng lực, phát triển đội ngũ doanh nhân An Giang còn đòi hỏi xây dựng môi trường xã hội và thể chế tôn vinh doanh nhân, đặc biệt là doanh nhân trẻ dám đổi mới, dám đầu tư dài hạn. Tăng cường đối thoại thường xuyên giữa chính quyền và doanh nghiệp, kịp thời ghi nhận, biểu dương các doanh nhân, doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, xã hội, tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Việc xây dựng môi trường tin cậy, tôn trọng và đồng hành cùng doanh nhân sẽ tạo động lực để đội ngũ doanh nhân, nhất là doanh nhân trẻ, yên tâm đầu tư, đổi mới và mở rộng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

## **7. Nhóm giải pháp tăng cường liên kết và hội nhập của khu vực kinh tế tư nhân**

Thúc đẩy liên kết theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đầu chuỗi đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia với vai trò vệ tinh, cùng chia sẻ lợi ích và trách nhiệm trong chuỗi. Nhà nước cần định hướng rõ các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị ưu tiên phù hợp với lợi thế của tỉnh, như chế biến nông, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, logistics, thương mại biên giới, du lịch, dịch vụ, làm cơ sở để tổ chức và hỗ trợ liên kết doanh nghiệp một cách có trọng tâm, tránh dàn trải.

Đối với nhóm doanh nghiệp đầu chuỗi, cần tập trung tạo điều kiện để doanh nghiệp mở rộng quy mô, đầu tư chiều sâu và nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm tham gia chuỗi giá trị khu vực và quốc tế. Trọng tâm chính sách không phải là hỗ trợ tài chính trực tiếp, mà là ưu tiên tiếp cận đất đai và hạ tầng chiến lược; rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư; hỗ trợ kết nối thị trường và xúc tiến thương mại chuyên sâu. Đồng thời, khuyến khích và yêu cầu doanh nghiệp đầu chuỗi thực hiện vai trò “đầu kéo” đối với doanh nghiệp địa phương thông qua đặt hàng sản xuất, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và chia sẻ thị trường. Việc gắn ưu đãi với trách nhiệm lan tỏa sẽ giúp hình thành các chuỗi liên kết bền vững, tránh tình trạng doanh nghiệp lớn phát triển tách rời khỏi hệ sinh thái địa phương.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia hiệu quả vào các chuỗi liên kết, tập trung vào chuẩn hóa sản phẩm, quy trình sản xuất, chất lượng và quản trị. Các chương trình hỗ trợ cần hướng tới giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và tiến độ của doanh nghiệp đầu chuỗi, từ đó từng bước nâng cao vị thế trong các chuỗi. Việc tham gia liên kết không chỉ giúp doanh nghiệp ổn định đầu ra, mà còn tạo điều kiện tiếp cận công nghệ, kỹ năng quản trị và thị trường rộng lớn hơn.

Phát huy mạnh mẽ vai trò kết nối - mạng lưới - liên kết vùng của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, bao gồm Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân và các hiệp hội ngành nghề của tỉnh. Đây là các thiết chế quan trọng có khả năng kết nối doanh nghiệp An Giang với mạng lưới doanh nghiệp, doanh nhân trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và trên phạm vi cả nước. Tạo điều kiện để các hiệp hội tham gia sâu hơn vào hoạt động kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại, chia sẻ thông tin thị trường, kết nối đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chuỗi giá trị liên vùng, liên tỉnh. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của Hiệp Hội doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ trong việc kết nối thể hệ doanh nhân mới của An Giang với các mạng lưới doanh nhân trẻ khu vực và quốc gia, qua đó mở rộng thị trường, tiếp cận tri thức quản trị hiện đại và nguồn lực đầu tư mới.

Bên cạnh đó, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân địa phương với doanh nghiệp FDI, coi đây là kênh quan trọng để tiếp nhận và hấp thu công nghệ, kinh nghiệm quản trị hiện đại và mở rộng thị trường. Chính sách thu hút FDI cần được thiết kế theo hướng chọn lọc, gắn rõ yêu cầu và cơ chế liên kết với doanh nghiệp nội địa, khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng nhà cung ứng trong tỉnh, chuyển giao công nghệ và đào tạo lao động địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp Việt kiều, đặc biệt là Việt kiều người An Giang, tham gia đầu tư, liên kết sản xuất, kinh doanh, góp phần kết nối doanh nghiệp An Giang với các thị trường khu vực và quốc tế.

## **8. Nhóm giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc đối khu vực kinh tế tư nhân**

### **(1) Rà soát, phân loại và xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng**

Tổ chức rà soát toàn diện các dự án đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án chậm triển khai, vướng mắc kéo dài, theo hướng phân loại thành ba nhóm: (i) nhóm dự án có thể tiếp tục triển khai; (ii) nhóm dự án cần điều chỉnh về pháp lý, quy hoạch, tiến độ; (iii) nhóm dự án không còn khả thi, cần thu hồi. Trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình xử lý cụ thể cho từng nhóm dự án, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, đúng pháp luật và hạn chế tối đa thất thoát nguồn lực.

Đối với các dự án có tiềm năng nhưng gặp khó khăn khách quan, cho phép xem xét điều chỉnh tiến độ, quy mô hoặc hình thức đầu tư; đồng thời hỗ trợ tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục pháp lý để sớm đưa dự án vào hoạt động. Đối với các dự án không đủ điều kiện triển khai, kiên quyết thu hồi, tạo quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư có năng lực.

## (2) Tháo gỡ vướng mắc pháp lý theo hướng linh hoạt, thực chất

Rà soát, đối chiếu các quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường để nhận diện các điểm chồng chéo, bất cập trong quá trình thực thi. Trên cơ sở đó, áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương về xử lý các dự án tồn đọng, đặc biệt là các quy định liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân và cơ chế thí điểm, nhằm tháo gỡ các vướng mắc mang tính lịch sử hoặc phát sinh trong quá trình chuyển tiếp chính sách.

Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ pháp lý; hạn chế tình trạng doanh nghiệp phải tự “lần mò” trong hệ thống thủ tục phức tạp, kéo dài thời gian và chi phí thực hiện dự án.

## (3) Giải quyết căn bản điểm nghẽn về đất đai và giải phóng mặt bằng

Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng chủ động, minh bạch và công bằng; xây dựng cơ chế chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch để sẵn sàng thu hút đầu tư.

Đối với các dự án trọng điểm, thành lập tổ công tác chuyên trách về giải phóng mặt bằng, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện. Đồng thời, rút ngắn thời gian chuyển mục đích sử dụng đất và đơn giản hóa các thủ tục liên quan, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh.

Đồng thời, quyết liệt rà soát, xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng kéo dài, các dự án chậm triển khai, sử dụng đất kém hiệu quả nhằm giải phóng nguồn lực và tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư mới. Việc xử lý cần được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, phân loại rõ từng nhóm dự án để có giải pháp phù hợp như tháo gỡ, chuyển giao hoặc thu hồi.

## V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nguồn lực triển khai thực hiện Đề án này được sử dụng từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp, vốn tài trợ và nguồn huy động hợp pháp khác.

## VI. KIẾN NGHỊ

Để phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của

nền kinh tế, tỉnh An Giang kiến nghị Trung ương và các bộ, ngành xem xét, hỗ trợ một số nội dung trọng tâm sau:

*Thứ nhất, hoàn thiện và ổn định khung thể chế phát triển kinh tế tư nhân theo hướng dài hạn, nhất quán.*

Đề nghị Trung ương tiếp tục cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các chủ trương lớn của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các luật liên quan (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật PPP, Luật Đấu thầu...). Cần bảo đảm tính ổn định, minh bạch và dự báo được của chính sách, giảm thay đổi đột ngột gây rủi ro cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa phương còn nhiều khó khăn như An Giang.

Sớm ban hành Quyết định quy định tiêu chí xác định dự án xanh, tuân hoàn, áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) để địa phương triển khai thực hiện.

*Thứ hai, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình cho địa phương.*

Kiến nghị Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương đẩy mạnh phân cấp cho tỉnh An Giang trong quản lý đầu tư công, lựa chọn nhà đầu tư, triển khai dự án PPP, quản lý khu kinh tế cửa khẩu, logistics và dịch vụ du lịch. Việc phân cấp cần đi kèm với cơ chế giám sát, đánh giá rõ ràng, tạo điều kiện để địa phương chủ động hơn trong thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Nghiên cứu để đơn giản hóa các thủ tục về môi trường theo hướng phân cấp quản lý về môi trường cho địa phương; Xác định giá đất phù hợp trên tinh thần hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân, doanh nghiệp.

*Thứ ba, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng mang tính liên vùng và chiến lược.*

Đề nghị Trung ương quan tâm ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ ngân sách trung ương, vốn ODA và các chương trình mục tiêu quốc gia cho các dự án hạ tầng trọng điểm của An Giang, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối vùng (đường bộ, đường thủy, cảng biển, sân bay, logistics), hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng số và hạ tầng du lịch. Đây là điều kiện nền tảng để đẩy mạnh thu hút đầu tư, giảm chi phí logistics, mở rộng thị trường và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân địa phương.

*Thứ tư, hoàn thiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ và mua sắm công đối với khu vực tư nhân.*

Kiến nghị các bộ, ban, ngành Trung ương sớm ban hành hướng dẫn cụ thể, đồng bộ về cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ và đấu thầu cung ứng dịch

vụ công cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt trong các lĩnh vực như logistics, môi trường, dịch vụ đô thị, đào tạo nghề, y tế và an sinh xã hội. Việc này sẽ tạo thị trường ổn định cho doanh nghiệp tư nhân, đồng thời nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

*Thứ năm, tăng cường các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

Đề nghị Trung ương tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, kế toán, tài chính và tiếp cận thị trường. Đối với các tỉnh nông nghiệp, biên giới và du lịch như An Giang, cần có các gói hỗ trợ chuyên biệt gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp, thủy hải sản, dược liệu, trái cây, logistics biên giới và du lịch, tránh áp dụng các mô hình hỗ trợ mang tính “đồng phục” cho mọi địa phương.

*Thứ sáu, hỗ trợ địa phương tận dụng các cơ hội hội nhập và đối ngoại lớn.*

Kiến nghị Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ với tỉnh An Giang trong việc tận dụng các FTA thế hệ mới, các hoạt động đối ngoại lớn và sự kiện quốc tế (như APEC), thông qua hỗ trợ xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực và kết nối doanh nghiệp địa phương với các tập đoàn, đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời, cần có cơ chế hỗ trợ địa phương xây dựng và triển khai các chương trình “hậu sự kiện” nhằm chuyển hóa cơ hội đối ngoại thành động lực tăng trưởng dài hạn.

*Thứ bảy, hoàn thiện chính sách tài chính, tín dụng phù hợp với đặc thù địa phương.*

Đề nghị Trung ương chỉ đạo hệ thống ngân hàng và các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, triển khai các sản phẩm tín dụng phù hợp với doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến, logistics và du lịch; mở rộng cơ chế bảo lãnh tín dụng, chia sẻ rủi ro và khuyến khích đầu tư dài hạn.

### **PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KHUNG PHÂN TÍCH THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang**

- Chỉ đạo tổng thể tổ chức thực hiện đề án, chỉ đạo phối hợp liên ngành.
- Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án theo từng giai đoạn và hàng năm; phân công rõ nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp

xã; chỉ đạo lồng ghép nhiệm vụ vào các chương trình, đề án khác của tỉnh để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

- Chỉ đạo cải cách thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn lớn về thủ tục hành chính, quy hoạch, đất đai, hạ tầng, tín dụng và logistics; giảm chi phí thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp tư nhân.

- Duy trì cơ chế đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, nhất là theo các cụm ngành trọng điểm (thương mại biên giới, logistics; chế biến nông, thủy sản; du lịch, dịch vụ); công khai kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và thời hạn xử lý để tạo niềm tin và sự hài lòng của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá thực hiện Đề án dựa trên bộ chỉ tiêu cụ thể; tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với thực tiễn.

- Thành lập Ban Hỗ trợ đầu tư và kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân tỉnh (do 01 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban) để chỉ đạo thực hiện Đề án và điều phối liên ngành, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư trong suốt dòng đời của dự án.

## **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ban hành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chi tiết để cụ thể hóa các nhóm giải pháp thực hiện Đề án, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho từng Sở ngành, địa phương để cụ thể hóa các nhóm giải pháp thành các nhiệm vụ cụ thể theo tinh thần “**6 rõ**”, đôn đốc, theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Đề án dựa trên Khung theo đánh giá Đề án, kịp thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân tỉnh.

- Tham mưu thành lập Ban Hỗ trợ đầu tư và kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân tỉnh (do 01 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban) để chỉ đạo thực hiện Đề án và điều phối liên ngành, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư trong suốt dòng đời của dự án.

- Chủ trì tham mưu cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân thuộc thẩm quyền của địa phương; xây dựng và điều phối các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn lực ngân sách thực hiện Đề án; đề xuất cơ chế tài chính cho đặt hàng dịch vụ công, hợp tác công - tư (PPP), xúc tiến đầu tư, thương mại, đào tạo, chuyển đổi số.

- Chủ trì tổng hợp và trình cấp thẩm quyền ban hành danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư tư nhân, chú trọng các dự án lớn, có tính động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực trọng tâm của tỉnh;

- Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân (doanh nghiệp thành lập mới, mở rộng quy mô, đóng góp GRDP, thu ngân sách, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...); định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **3. Sở Công Thương**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì triển khai các giải pháp phát triển thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn doanh nghiệp chuyển từ hình thức giao dịch tiểu ngạch, ngắn hạn sang giao dịch chính ngạch, hợp đồng dài hạn.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan trong công tác quy hoạch, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật nhằm làm cơ sở thu hút đầu tư các cụm công nghiệp, các dự án công nghiệp chế biến, thương mại, logistics theo quy hoạch được phê duyệt.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại theo ngành hàng chủ lực của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp kết nối giao thương, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực thi hiệu quả các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA); thực hiện tốt công tác quản lý và hỗ trợ cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); kịp thời thông tin, cảnh báo sớm các biện pháp phòng vệ thương mại từ thị trường quốc tế.

- Triển khai hiệu quả chương trình khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **4. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì tổ chức phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với cụm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm; thúc đẩy liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông hộ theo chuỗi giá trị.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành và địa phương tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc các dự án đầu tư tư nhân, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và vùng nguyên liệu thực hiện truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường phục vụ sản xuất kinh doanh: công khai quy hoạch sử dụng đất, quỹ đất dành cho sản xuất; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đất đai theo thẩm quyền.

- Triển khai hiệu quả chương trình khuyến nông, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

## **5. Sở Xây dựng**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì rà soát, triển khai lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch phân khu, quy hoạch các khu chức năng theo thẩm quyền được phân công phụ trách.

- Chủ trì lập chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển đô thị, dân cư nông thôn theo danh mục dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, chuẩn hóa thủ tục quy hoạch, xây dựng theo hướng minh bạch, rõ thời hạn, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp tư nhân.

- Phối hợp đồng bộ hóa quy hoạch xây dựng, đô thị, nông thôn vào hệ thống quy hoạch của tỉnh để công khai cho các nhà đầu tư.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

## **6. Sở Văn hóa và Thể thao**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Phối hợp phát triển các sản phẩm văn hóa, thể thao, sự kiện, lễ hội gắn với du lịch và kinh tế dịch vụ; tạo điều kiện về không gian hoạt động văn hóa, thể thao, sự kiện theo quy định, góp phần mở rộng cơ hội tham gia thị trường cho doanh nghiệp tư nhân.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác các giá trị văn hóa, thể thao để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao, biểu diễn, sự kiện trong khung giờ phù hợp, góp phần hình thành các sản phẩm dịch vụ ban đêm, nâng cao chi tiêu của du khách.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau

khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **7. Sở Du lịch**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành và địa phương đề xuất danh mục dự án thu hút đầu tư và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, cơ sở du lịch tại các vùng, địa phương theo quy hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì triển khai các giải pháp phát triển du lịch, dịch vụ chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị điểm đến; đa dạng hóa sản phẩm và kéo dài thời gian lưu trú.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân trong xây dựng sản phẩm, chuẩn hóa dịch vụ, chuyển đổi số trong du lịch và xúc tiến thị trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì triển khai các chương trình chuẩn hóa, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt hiệu quả.

- Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (tư vấn, đào tạo, tổ chức trung gian); kết nối doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học để chuyển giao và thương mại hóa công nghệ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **9. Sở Nội vụ**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; gắn đánh giá cán bộ, công chức với kết quả cải cách thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

- Phối hợp chuẩn hóa quy trình thực hiện thủ tục theo mô hình chính quyền hai cấp.

- Tổ chức các phiên giao dịch việc làm, sàn giao dịch việc làm nhằm cung cấp thông tin lao động việc làm cho doanh nghiệp và người dân.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau

khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **10. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Phối hợp Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Hiệp hội doanh nghiệp rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực trung hạn và dài hạn cho các ngành.

- Lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân với định hướng phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành và doanh nghiệp xây dựng các chương trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp. Phối hợp với doanh nghiệp tổ chức đào tạo ngắn hạn, linh hoạt cho lao động đang làm việc trong kinh tế tư nhân. Phối hợp đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho doanh nghiệp tư nhân.

- Tăng cường giáo dục hướng nghiệp gắn với doanh nghiệp địa phương. Xây dựng chương trình đào tạo tăng cường năng lực nền tảng cho thế hệ lao động trẻ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **11. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì lập, điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh, quy hoạch phân khu chức năng, khu công nghiệp, Đề án đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó chọn lọc danh mục các dự án thu hút đầu tư và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh, các khu chức năng của khu kinh tế, khu công nghiệp để thu hút đầu tư tư nhân tham gia phát triển các ngành chủ lực của tỉnh, thương mại biên giới, dịch vụ logistics.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **12. Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc**

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo hiệu quả, kịp thời nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chủ trì lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng khu kinh tế Phú Quốc, trên cơ sở đó chọn lọc danh mục các dự án thu hút đầu tư và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ logistics, các khu chức năng của khu kinh tế Phú

Quốc để thu hút đầu tư tư nhân tham gia đầu tư phát triển.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

### **13. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hội Nữ doanh nhân tỉnh và các hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh**

- Thực hiện vai trò cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp, tổng hợp, phản ánh kịp thời khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp với Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Phối hợp triển khai các chương trình đào tạo doanh nhân, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kết nối chuỗi giá trị, xúc tiến thương mại; thúc đẩy vai trò doanh nghiệp đầu chuỗi và mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh.

- Tham gia đóng góp ý kiến, phản biện chính sách về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh.

### **14. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15 và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh**

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn hướng tín dụng dành cho kinh tế tư nhân, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng.

- Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh: Tích cực tiết giảm chi phí hoạt động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, từ đó tạo điều kiện giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG); đồng thời, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Hội sở chính về cải cách, đơn giản hóa quy trình và thủ tục vay vốn, nhưng vẫn bảo đảm an toàn tín dụng và tuân thủ quy định pháp luật. Các tổ chức tín dụng cần nâng cao chất lượng thẩm định, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, giúp doanh nghiệp thuận lợi và kịp thời tiếp cận vốn vay.

Tiếp tục hướng tín dụng dành cho kinh tế tư nhân, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng. Hỗ trợ hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoàn thiện thủ tục vay, phương án/kế hoạch vay, phương án sản xuất kinh doanh và phương án trả nợ vay.

### **15. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu**

- Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền; cung cấp thông

tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ.

- Chủ động nắm bắt, phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Đề án lên cấp tỉnh thông qua cơ chế liên thông.

- Hỗ trợ hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ mở rộng quy mô; tập trung hỗ trợ theo các ngành, lĩnh vực kinh tế tư nhân chủ lực tại địa bàn.

## VII. KHUNG THEO DÕI ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 1: VỀ THỂ CHẾ - QUY HOẠCH - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>							
Hoàn thiện quy hoạch, giảm rào cản đầu tư	Điều chỉnh, số hóa và công khai điều chỉnh quy hoạch tỉnh	Quy hoạch tỉnh, được ban hành và số hóa	- $\geq 70\%$ doanh nghiệp tra cứu quy hoạch trực tuyến	- Tăng số dự án đầu tư tư nhân mới	Sở Tài chính (đầu mối)	Các sở, ban, ngành phối hợp	Quý I/2026
	Điều chỉnh, số hóa và công khai quy hoạch đô thị - nông thôn	Điều chỉnh, số hóa và công khai quy hoạch đô thị - nông thôn	- Thời gian tìm kiếm thông tin đầu tư giảm $\geq 30\%$	- Tăng vốn đầu tư đăng ký	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành phối hợp	Quý II/2026
	Điều chỉnh, số hóa và công khai kế hoạch sử dụng đất	Quy hoạch sử dụng đất được ban hành, số hóa, công khai	Rà soát, cập nhật, số hóa và công bố minh bạch thông tin về quỹ đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	- Tăng tỷ lệ dự án đầu tư tư nhân triển khai đúng tiến độ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành phối hợp	Quý II/2026
	Công bố công khai dữ liệu về quỹ đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Thông tin công khai dữ liệu về quỹ đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp		- Tăng tỷ lệ doanh nghiệp tái đầu tư, mở rộng dự án	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên
Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân gia nhập thị trường, giảm chi phí tuân thủ hành	Chuẩn hóa, cắt giảm và hợp lý hóa các điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền của tỉnh	Bộ quy trình chuẩn được ban hành	- Thời gian xử lý thủ tục hành chính giảm $\geq 30\%$ - $\geq 70\%$ doanh nghiệp hài lòng	Cải thiện chỉ số PCI, DDCI	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành phối hợp	Hàng năm

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
chính							
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 2: TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG - MUA SẮM CÔNG</b>							
Tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</li> <li>- Giám sát các chi nhánh của các ngân hàng thương mại tham gia Chương trình triển khai theo hướng dẫn của Hội sở chính.</li> <li>- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận tín dụng, cung ứng đủ, kịp thời nhu cầu vốn cho các phương án, dự án sản xuất kinh doanh khả thi có nhu cầu vay và đáp ứng đủ điều kiện vay vốn.</li> </ul>	Văn bản chỉ đạo/hướng dẫn; Kế hoạch triển khai hoặc lồng ghép nghị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 - 30 doanh nghiệp/năm tiếp cận vốn</li> <li>- Tỷ lệ doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng tăng.</li> </ul>	Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15	Các tổ chức tín dụng trên địa bàn	Hàng năm

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân trong cung ứng dịch vụ công. Tạo đầu ra ổn định cho doanh nghiệp	Thực hiện các hợp đồng đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp tư nhân	Hợp đồng đặt hàng được ký kết	- Có 5 - 10 hợp đồng/năm - Thanh toán theo kết quả	- Nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước - Doanh nghiệp tư nhân tham gia sâu hơn	UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, doanh nghiệp phối hợp	Hàng năm
Bình đẳng trong tiếp cận dự án	Xây dựng quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với các dự án hạ tầng, dịch vụ công, logistics	Bộ quy trình lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu được ban hành	Các dự án hạ tầng, logistics, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh áp dụng quy trình lựa chọn nhà đầu tư mới	Tỷ lệ dự án có doanh nghiệp tư nhân trúng thầu hoặc đồng tham gia đầu tư tăng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, doanh nghiệp phối hợp	Quý II/2026
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 3: NÂNG CAO NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP VÀ DOANH NHÂN</b>							
Nâng cao năng lực quản trị, năng lực chuyển đổi số doanh nghiệp	Tư vấn, đào tạo về tài chính kế toán, quản trị chiến lược, quản trị sản xuất, chuyển đổi số	- $\geq 12$ chương trình tư vấn/năm, - $\geq 50$ doanh nghiệp/năm tham gia tư vấn, đào tạo.	- Tỷ lệ doanh nghiệp cải thiện báo cáo tài chính đạt chuẩn tăng. - Tỷ lệ doanh nghiệp tăng doanh thu/lợi		Sở Khoa học công nghệ	Sở Tài chính, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân, các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh	Hàng năm

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			nhuận sau 12 - 24 tháng tăng				
Phát triển đội ngũ doanh nhân	Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu cho doanh nhân	≥4 chương trình/năm	≥200 doanh nhân/năm được đào tạo, bồi dưỡng	Hình thành đội ngũ doanh nhân có năng lực, có trách nhiệm	Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh	Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân và các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 4: HẠ TẦNG - LOGISTICS - CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>							
Giảm chi phí logistics	Đầu tư, thu hút đầu tư hạ tầng logistics	Các trung tâm logistics được hình thành	Chi phí logistics doanh nghiệp giảm ≥10%	Nâng cao năng lực cạnh tranh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, doanh nghiệp	2026 - 2030
Rút ngắn thời gian thông quan	Chuyển đổi số thông quan	Hệ thống số hóa	Thời gian thông quan giảm ≥30%	Tăng kim ngạch xuất nhập khẩu	Hải quan	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, doanh nghiệp	Hàng năm
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 5: THÚC ĐẨY HÌNH THÀNH CHUỖI GIÁ TRỊ - NGÀNH HÀNG - VÙNG NGUYÊN LIỆU</b>							
Hình thành chuỗi liên kết bền vững	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tàu	2 - 3 doanh nghiệp đầu tàu/ngành dẫn dắt chuỗi giá trị, chuỗi liên kết	2 - 3 chuỗi giá trị, chuỗi liên kết được hình thành	Nâng cao giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh, tăng tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuỗi có hợp đồng ổn	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân, các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn	Hàng năm

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
				định		tỉnh	
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 6: THỊ TRƯỜNG</b>							
Mở rộng thị trường đầu ra	Hình thành điểm kết nối thị trường, tổ chức các phiên ết nối cung - cầu	>3 phiên/năm	Có 5 - 10 hợp đồng/phiên	Tăng doanh thu doanh nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Hiệp Hội doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân, các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 7: THỨC ĐẨY KINH DOANH BỀN VỮNG, KINH DOANH TẠO TÁC ĐỘNG, CÓ TRÁCH NHIỆM</b>							
Thúc đẩy SIB, CSR	Thí điểm SIB, CSR trong mua sắm công	Có từ 3 - 5 mô hình	- Doanh nghiệp áp dụng CSR - Số doanh nghiệp SIB	- Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn môi trường - lao động tăng - Giảm chi phí xã hội, ngân sách nhà nước trong các dịch vụ công được đặt hàng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân, các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh	2026 - 2030

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 8: HÌNH THÀNH HỆ SINH THÁI HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN</b>							
Hình thành hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân giải quyết thủ tục đầu tư, đặc biệt đối với các dự án tư nhân thuộc lĩnh vực ưu tiên	Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân do 1 Lãnh đạo tỉnh làm trưởng ban và Tổ công tác đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân (tư vấn chiến lược, kế toán, tài chính, thông tin thị trường, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời tăng cường kết nối doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học công nghệ...)	- Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân được thành lập và vận hành (có quy chế, kế hoạch công tác hằng năm. - Tổ công tác đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân được thành lập	Môi trường đầu tư được cải thiện	Doanh nghiệp được hỗ trợ hiệu quả	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2026 - 2030

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức đồng hành doanh nghiệp	Xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho công chức, viên chức làm việc với doanh nghiệp	- >2 - 4 chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu/năm. - ≥ 100 - 200 lượt công chức, viên chức/năm được đào tạo, bồi dưỡng	- 70 - 80% doanh nghiệp đánh giá “hài lòng” hoặc “rất hài lòng” với thái độ và năng lực của công chức. - Thời gian xử lý thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường giảm ≥ 20 - 30%	- Cải thiện bền vững các chỉ số PCI, DDCI của tỉnh. Tăng niềm tin của doanh nghiệp tư nhân vào chính quyền địa phương. - Giảm “chi phí không chính thức” và chi phí tuân thủ hành chính.	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nữ doanh nhân, các Hội, Hiệp hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh	2026 - 2030
<b>NHÓM NHIỆM VỤ 9: THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC ĐỐI VỚI KINH TẾ TƯ NHÂN</b>							
Tháo gỡ các dự án tồn đọng, giải phóng nguồn lực đầu tư	Rà soát, phân loại toàn bộ dự án kinh tế tư nhân	100% dự án được rà soát, phân loại	≥80% dự án được xử lý (tiếp tục/điều chỉnh/thu hồi)	Tăng tỷ lệ dự án triển khai thực tế	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2026
Thúc đẩy các dự án có tiềm năng	Hỗ trợ điều chỉnh pháp lý, tiến độ, quy mô dự án	Số dự án được hỗ trợ điều chỉnh	≥60% dự án tiềm năng được tái khởi động	Tăng vốn đầu tư thực hiện, tăng đóng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2026

Mục tiêu	Hoạt động chính	Chỉ số đầu ra	Chỉ số kết quả	Chỉ số tác động	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
				góp GRDP			
Giải quyết điểm nghẽn đất đai, giải phóng mặt bằng	Thành lập tổ công tác giải phóng mặt bằng; chuẩn bị quỹ đất sạch	Số dự án có tổ giải phóng mặt bằng; diện tích đất sạch	Giảm dự án chậm do giải phóng mặt bằng	Tăng khả năng thu hút đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
Xử lý dứt điểm vướng mắc pháp lý	Rà soát, đối chiếu quy định pháp luật; áp dụng cơ chế linh hoạt	Số vướng mắc pháp lý được xử lý	≥70% kiến nghị doanh nghiệp được giải quyết	Giảm chi phí tuân thủ, cải thiện môi trường đầu tư	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2026 - 2030

Trên đây là Nội dung Đề án Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang./.